

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
Lô CN 11+CN12 Cụm CN An Đông, TT.Nam Sách, H.Nam Sách, T.Hải Dương
MST: 0801210129

✽✽

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV năm 2021

Báo cáo tài chính gồm có:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

HẢI DƯƠNG 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		464,778,753,097	120,928,995,778
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	86,417,051,039	93,876,841,515
1. Tiền	111		26,417,051,039	276,841,515
2. Các khoản tương đương tiền	112		60,000,000,000	93,600,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		370,394,443,908	25,270,794,838
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		72,728,760,641	9,052,671,600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45,813,729,972	137,235,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		141,175,000,000	-
6. Các khoản phải thu khác	136	4.2	110,676,953,295	16,080,888,238
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6,684,243,633	652,466,691
1. Hàng tồn kho	141	4.3	6,684,243,633	652,466,691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,283,014,517	1,128,892,734
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,283,014,517	1,128,892,734
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,133,093,079,699	2,721,552,201,826
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13,843,866,716	16,801,854,630
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		12,977,726,358	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	4.2	866,140,358	16,801,854,630
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,911,754,572	2,559,890,949
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	2,591,892,059	2,398,442,920
<i>Nguyên giá</i>	222		4,099,129,547	3,360,028,638
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1,507,237,488)	(961,585,718)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	4.5	319,862,513	161,448,029
	<i>Nguyên giá</i>	228		456,372,200	216,838,200
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(136,509,687)	(55,390,171)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		90,000,000	863,214,066
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		90,000,000	863,214,066
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.7	3,115,105,346,601	2,699,800,610,704
1.	Đầu tư vào công ty con	251		3,115,105,346,601	2,642,143,703,149
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	56,156,907,555
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1,500,000,000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1,142,111,810	1,526,631,477
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		1,142,111,810	1,526,631,477
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,597,871,832,796	2,842,481,197,604
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		804,760,472,436	670,854,600,890
I.	Nợ ngắn hạn	310		160,119,283,910	119,481,639,092
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311		2,071,225,069	1,985,983,243
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5,480,551,670	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2,088,738,480	3,295,835,199
4	Phải trả người lao động	314		1,643,258,702	1,842,717,530
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		27,207,395,977	26,408,623,850
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.6	1,316,249,940	10,129,548,420
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.8	120,311,864,072	75,818,930,850
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		644,641,188,526	551,372,961,798
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.8	644,641,188,526	551,372,961,798

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng
Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,793,111,360,360	2,171,626,596,714
I.	Vốn chủ sở hữu	410	4.9	2,793,111,360,360	2,171,626,596,714
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,024,223,220,000	1,466,773,390,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,951,074,420,000	1,393,624,590,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		73,148,800,000	73,148,800,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		657,000,439,100	657,285,989,100
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		111,887,701,260	47,567,217,614
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47,567,217,614	10,227,748,813
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		64,320,483,646	37,339,468,801
12	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,597,871,832,796	2,842,481,197,604

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc



Hồ Thị Hòe



Hồ Thị Hòe



Phạm Đỗ Huy Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý IV năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2021	Quý IV/2020	Đơn vị tính: VND	
					Từ ngày 1/1/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 1/1/2020 đến 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	118,038,141,360	10,303,315,091	300,138,912,574	24,223,088,045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		118,038,141,360	10,303,315,091	300,138,912,574	24,223,088,045
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	105,479,605,385	-	247,612,827,661	11,947,469,723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,558,535,975	10,303,315,091	52,526,084,913	12,275,618,322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	31,321,709,534	23,668,531,306	129,558,178,871	133,210,871,064
7. Chi phí tài chính	22	5.4	17,803,033,549	13,592,882,322	74,816,172,795	47,777,208,443
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		16,139,948,940	13,083,681,990	63,516,609,620	46,802,081,579
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	335,065,000	50,000,089
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7,963,318,947	14,646,215,405	35,982,117,446	49,646,995,960
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18,113,893,013	5,732,748,670	70,950,908,543	48,012,284,894
12. Thu nhập khác	31		9,500,000	(1,831,874,545)	13,862,391	42,400,455
13. Chi phí khác	32		-	-	1,000,000,000	-
14. Lợi nhuận khác	40		9,500,000	(1,831,874,545)	(986,137,609)	42,400,455
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18,123,393,013	3,900,874,125	69,964,770,934	48,054,685,349
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18,123,393,013	3,900,874,125	69,964,770,934	48,054,685,349

Hải Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Người lập



Hồ Thị Hòa

Kế toán trưởng



Hồ Thị Hòa

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Đỗ Huy Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		69,964,770,934	48,054,685,349
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		626,771,286	457,748,492
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		124,339,818	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(129,042,866,156)	(133,175,404,789)
-	Chi phí lãi vay	06		67,962,442,949	47,668,748,243
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,635,458,831	(36,994,222,705)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(192,052,877,013)	9,231,348,460
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6,031,776,942)	(359,352,291)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4,895,918,176	3,461,741,630
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		230,397,884	3,471,615,099
-	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(71,808,001,363)	(21,629,871,361)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
	LCT thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(255,130,880,427)	(42,818,741,168)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21		(1,335,520,005)	(4,880,268,593)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(303,425,000,000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		162,250,000,000	18,050,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(582,915,435,201)	(417,049,781,199)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		204,708,685,441	214,082,059,696
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		84,036,559,716	78,951,204,915
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(436,680,710,049)	(110,846,785,181)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của CSH	31		557,164,280,000	214,779,900,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		534,006,415,523	526,038,266,800
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(400,695,695,414)	(482,449,228,647)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6,103,475,953)	(10,946,096,877)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		684,371,524,156	247,422,841,276
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7,440,066,320)	93,757,314,927
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		93,876,841,515	119,526,588
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái QĐ ngoại tệ	61		(19,724,156)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		86,417,051,039	93,876,841,515

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc


 Hồ Thị Hòa


 Hồ Thị Hòa



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 16 công ty con (31 tháng 12 năm 2020: 13 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50.75	50.75	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (*)	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	25.64	50.51	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46.73	92.06	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	23.83	51	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	25.64	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ		Hoạt động chính
			lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	33.04	99.37	Kinh doanh hạt nhựa
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (*)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	17.95	70	Vận tải hàng hóa
8	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	56.23	66.75	Sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử
9	Công ty TNHH An Trung Industries (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56.23	100	Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm nhựa
10	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (*)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	56.23	100	Sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử
11	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56.23	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
12	Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	45.10	87.68	Sản xuất sản phẩm nhựa bao bì từ sợi PE, PP
13	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56.53	99.95	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ		Hoạt động chính
			lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
14	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	92.31	92.31	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
15	An Phat International INC	10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA	50.75	99.99	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
16	AFC EcoPlastics LLC	PO Box 1831 Austin, Texas 78767, USA	38.07	75	Kinh doanh hạt nhựa

(*) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp qua công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc bằng hoặc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	<i>Thời gian khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí thuê đất;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.15 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	411,777,694	33,819,498
Tiền gửi ngân hàng	26,005,273,345	243,022,017
Các khoản tương đương tiền	60,000,000,000	93,600,000,000
Cộng	86,417,051,039	93,876,841,515

4.2. Phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Phải thu khác ngắn hạn		
Tạm ứng	11,004,343,513	4,823,824,111
Ký cược ký quỹ	3,368,343,327	10,829,025,327
Lãi dự thu	7,309,807,396	93,927,945
Phải thu khác	88,994,459,059	334,110,855
Cộng	110,676,953,295	16,080,888,238
b. Phải thu khác dài hạn		
Ký cược ký quỹ	866,140,358	866,140,358
Phải thu khác	-	15,935,714,272
Cộng	866,140,358	16,801,854,630

4.3. Hàng tồn kho

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6,145,351,830	-
Nguyên liệu vật liệu	513,163,464	541,936,782
Công cụ dụng cụ	23,093,539	110,529,909
Chi phí SXKD dở dang	2,634,800	-
Cộng	6,684,243,633	652,466,691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2021	216,838,200	216,838,200
Tăng trong kỳ	239,534,000	239,534,000
Tại ngày 31/12/2021	456,372,200	456,372,200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2021	55,390,171	55,390,171
Khấu hao trong kỳ	81,119,516	81,119,516
Tại ngày 31/12/2021	136,509,687	136,509,687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	161,448,029	161,448,029
Tại ngày 31/12/2021	319,862,513	319,862,513

4.6. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	240,923,497	198,301,084
Lãi phải trả	-	8,513,562,405
Cổ tức phải trả	818,096,266	1,277,284,931
Phải trả phải nộp khác	257,230,177	140,400,000
Cộng	1,316,249,940	10,129,548,420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư công ty con	3,115,105,346,601	-	2,642,143,703,149	-
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	-	-	7,433,831,434	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	2,544,121,436,339	-	2,101,378,566,479	-
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	5,225,900,000	-	5,225,900,000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	458,258,010,262	-	526,605,405,236	-
Công ty Cổ phần Sản xuất PBA T An Phát	106,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-
Đầu tư công ty liên doanh, liên kết	-	-	56,156,907,555	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh	-	-	56,156,907,555	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	1,500,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

	01/01/2021	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	31/12/2021
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng	17,336,518,374	163,866,801,624	214,842,147,322	68,311,864,072
Vay tổ chức khác	53,182,412,476	53,703,018,419	2,520,605,943	2,000,000,000
Bên liên quan	5,300,000,000	12,900,000,000	7,600,000,000	-
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-	50,000,000,000	50,000,000,000
TỔNG CỘNG	75,818,930,850	230,469,820,043	274,962,753,265	120,311,864,072
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng	601,295,134	227,213,112	4,606,512	378,688,534
Bên liên quan	105,105,000,000	143,105,000,000	38,000,000,000	-
Trái phiếu phát hành	445,666,666,664	255,850,000,001	454,445,833,329	644,262,499,992
TỔNG CỘNG	551,372,961,798	399,182,213,113	492,450,439,841	644,641,188,526

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

MÃ SỐ B 09A – DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4.9. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng
Tại ngày 01/01/2020	1,423,773,390,000	485,506,089,100	10,227,748,813	1,919,507,227,913
Tăng vốn trong năm	43,000,000,000	171,779,900,000	-	214,779,900,000
Lãi trong năm	-	-	48,054,685,349	48,054,685,349
Chi trả cổ tức	-	-	(10,715,216,548)	(10,715,216,548)
Tại ngày 31/12/2020	1,466,773,390,000	657,285,989,100	47,567,217,614	2,171,626,596,714
Tăng vốn trong kỳ	557,449,830,000	(285,550,000)	-	557,164,280,000
Lãi trong kỳ	-	-	69,964,770,934	69,964,770,934
Chi trả cổ tức	-	-	(5,644,287,288)	(5,644,287,288)
Tại ngày 31/12/2021	2,024,223,220,000	657,000,439,100	111,887,701,260	2,793,111,360,360

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

MÃ SỐ B 09A – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1 Doanh thu bán hàng**

Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2020
VND	VND	VND	VND
104,253,481,367	-	246,004,786,479	8,594,682,045
13,784,659,993	10,303,315,091	54,134,126,095	15,628,406,000
118,038,141,360	10,303,315,091	300,138,912,574	24,223,088,045

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng**5.2 Giá vốn hàng bán**

Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2020
VND	VND	VND	VND
103,557,727,229	-	243,593,453,428	7,729,186,790
1,921,878,156	-	4,019,374,233	4,218,282,933
105,479,605,385	-	247,612,827,661	11,947,469,723

Giá vốn bán hàng hóa

Giá vốn cung cấp dịch vụ

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2020
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,705,660,218	2,460,526,521	10,930,928,967	5,898,356,438
Lãi chênh lệch tỷ giá	115,151,842	-	515,312,715	35,466,275
Lãi chuyển nhượng vốn	28,315,287,261	21,268,500,000	37,097,986,137	56,316,746,575
Cổ tức được chia	-	15,000	80,271,510,200	62,372,188,899
Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác	185,610,213	(60,510,215)	742,440,852	8,588,112,877
Cộng	31,321,709,534	23,668,531,306	129,558,178,871	133,210,871,064

5.4 Chi phí tài chính

	Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV năm 2020
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	16,139,948,940	13,083,681,990	63,516,609,620	46,802,081,579
Chi phí phát hành trái phiếu	1,337,499,999	433,333,332	4,445,833,329	866,666,664
Lỗ chênh lệch tỷ giá	135,058,672	-	176,137,802	32,593,200
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	124,339,818	-	124,339,818	-
Lỗ và phí chuyển nhượng vốn	66,186,120	-	6,553,252,226	-
Chi phí tài chính khác	-	75,867,000	-	75,867,000
Cộng	17,803,033,549	13,592,882,322	74,816,172,795	47,777,208,443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

Danh mục các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty con
An Thanh Bicsol Singapore PTE.,Ltd	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	Công ty liên kết của công ty con (đến 30/06/2021)
An Phat International INC	Công ty con (từ tháng 4/2021)
AFC EcoPlastics LCC	Công ty con (từ tháng 4/2021)
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
AnKor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh Thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	240,693,935,466	1,655,590,000
Công ty Cổ phần An Trung Industries	-	151,000,000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	69,690,701,983	16,590,000
An Phat International, Inc.	17,484,109,585	-
Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	17,500,000,000	-
Công ty Cổ phần Anbio	3,150,000	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	135,985,295,098	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	-	1,488,000,000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	30,678,800	-
Mua hàng hóa dịch vụ	76,562,465,144	2,468,440,462
Công ty Cổ phần An Trung Industries	-	942,480
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	76,190,872,254	1,907,478,171
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	130,135,211
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	335,065,000	13,285,000
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	-	404,196,200
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	32,842,090	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	2,634,800	-
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	-	12,403,400
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	1,051,000	-
Cổ tức	80,271,510,200	62,372,188,899
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	57,955,749,000	40,059,794,699
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	19,003,367,000	19,000,000,000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh	3,312,394,200	3,312,394,200
Chuyển nhượng Cổ phần	56,862,767,100	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	56,862,767,100	-
Lãi cho vay	5,198,232,055	-
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	309,986,301	-
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	256,438,356	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	942,410,960	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	92,860,275	-
Công ty Cổ phần An Trung Industries	161,864,932	-
Công ty Cổ phần Anbio	3,434,671,231	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí tài chính	2,025,004,177	13,687,424,324
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	-	904,949,591
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	401,919,932	6,557,664,997
Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	1,551,317,122	5,994,887,818
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	19,726,027	-
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	-	188,339,726
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	52,041,096	41,582,192
Chi cho vay	304,525,000,000	-
Công ty Cổ phần Anbio	113,000,000,000	-
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	51,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	20,000,000,000	-
Công ty Cổ phần An Trung Industries	15,525,000,000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	9,000,000,000	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	96,000,000,000	-
Nhận lại tiền cho vay	230,350,000,000	-
Công ty Cổ phần Anbio	53,250,000,000	-
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	51,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	20,000,000,000	-
Công ty Cổ phần An Trung Industries	4,100,000,000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	6,000,000,000	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	96,000,000,000	-
Nhận tiền vay	45,600,000,000	310,685,000,000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	11,900,000,000	84,150,000,000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	1,600,000,000	162,955,000,000
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	3,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	-	60,580,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	3,000,000,000	3,000,000,000
Công ty Cổ phần Anbio	26,100,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Trả tiền vay	156,005,000,000	225,480,000,000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	87,950,000,000	-
Công ty Cổ phần Anbio	26,100,000,000	
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	-	60,580,000,000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	33,955,000,000	164,900,000,000
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	3,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	5,000,000,000	-
Số dư với các bên liên quan	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu hàng hóa dịch vụ	56,177,519,742	-
An Phat International, Inc.	17,540,021,203	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	-	-
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	25,659,772,181	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	12,977,726,358	-
Trả trước cho người bán	16,400,670,000	-
An Thanh Bicsol Singapore PTE.,Ltd	10,704,420,000	
Ankor Bioplastics Co.Ltd	5,696,250,000	
Phải thu khác	6,891,861,614	3,260,958,327
Công ty Cổ phần Anbio	3,434,671,231	-
AnKor Bioplastics	3,260,958,327	3,260,958,327
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	41,597,261	-
Công ty TNHH An Trung Industries	154,634,795	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp Theo)

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn	74,175,000,000	-
Công ty Cổ phần Anbio	59,750,000,000	-
Công ty TNHH An Trung Industries	11,425,000,000	
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	3,000,000,000	
Phải trả cho người bán	39,482,629	1,682,809,466
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	-	1,414,225,988
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	111,452,327
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	-	157,131,151
Công ty Cổ phần Anbio	39,482,629	-
Phải trả khác	-	8,337,365,145
Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	-	4,894,887,818
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	3,400,895,135
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	-	41,582,192
Vay	-	110,405,000,000
Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	-	76,050,000,000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	32,355,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	-	2,000,000,000

Người lập

Hồ Thị Hòe

Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe

Hải Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Đỗ Huy Cường